

Số: /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 26/2024/TTr-BĐX ngày 10/4/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Vận tải Thành Trang về đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 609/2024/TTr-BĐX ngày 06/9/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Vận tải Thành Trang về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của Dự án “Dự án đầu tư bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyển phương tiện thiết bị hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Vận tải Thành Trang, địa chỉ tại số 31 Chương Dương, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố

Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Dự án đầu tư bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyển phương tiện thiết bị hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An” tại một phần khu đất CC 160-3 ô phố A160 và khu đất quy hoạch bãi đỗ xe phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án đầu tư bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyển phương tiện thiết bị hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần khu đất CC 160-3 ô phố A160 và khu đất quy hoạch bãi đỗ xe phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 6416236584 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/8/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 07/02/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200156029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 12/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/10/2020.

1.4. Mã số thuế: 0200156029

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, bến, bãi đỗ xe, lưu giữ, bảo quản và trung chuyển hàng hoá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 50.000,2 m²

- Quy mô, công suất:

+ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô 1.800 lượt xe/năm;

+ Hoạt động lưu giữ, bảo quản và trung chuyển hàng hoá khoảng 1.800 lượt xe/năm và 307.200 m³ hàng hoá/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường không khí quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Vận tải Thành Trang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Vận tải Thành Trang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ... tháng ... năm 2024 đến hết ngày tháng ... năm 2034).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2; quận Hải An
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại & Vận tải Thành Trang;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT (để đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên người lao động làm việc tại trung tâm.
- + Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ xưởng sửa chữa, bảo trì
- + Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ trạm cấp xăng dầu khi xảy ra sự cố.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 03 dòng
- + Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 26 m³/ngày đêm
- + Dòng số 02: Nước thải nhiễm dầu sau khi xử lý tại bể tách dầu 5 ngăn tại xưởng sửa chữa dung tích 5 m³/ngày đêm.
- + Dòng số 03: Nước thải sau khi được xử lý tại ga lọc dầu 2 ngăn tại trạm cấp xăng dầu nội bộ khi xảy ra sự cố dung tích 3 m³/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải (Cấp cho giai đoạn đầu khi chưa có hệ thống thoát nước thải chung phía ngoài dự án, nước thải được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt chung ở phía Đông khu đất thoát ra sông Bạch Đằng theo Quyết định số 539/QĐ-BQL ngày 06/02/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyên phương tiện thiết bị, hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng): Hệ thống thoát nước chung của khu vực, đoạn chảy qua phường Đông Hải 2, quận Hải An và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Bạch Đằng.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh/cấp lại Giấy phép môi trường khi có hệ thống thoát nước thải chung phía ngoài dự án theo Quyết định số 539/QĐ-BQL ngày 06/02/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyên phương tiện thiết bị, hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Vị trí xả nước thải:

Tại hồ ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, toạ độ điểm xả nước thải: X = 2305707 (m); Y = 604611 (m)

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0).

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $34 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: xả liên tục

- Chất lượng nước thải: nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 29:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B) $C_{\max}=C_x$ k	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	QCVN 29:2010/ BTNMT cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Dòng nước thải số 01					
1	pH	-	5 - 9	-	-	6 tháng/ 1 lần
2	BOD ₅	mg/l	60	-	-	
3	TSS	mg/l	120	-	-	
4	Coliform	MPN/ 100ml	5.000	-	-	
5	TDS	mg/l	1.200	-	-	
6	Sunfua	mg/l	4,8	-	-	
7	Amoni	mg/l	12	-	-	
8	NO ₃ ⁻ N	mg/l	60	-	-	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	-	-	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	-	-	
11	PO ₄ ³⁻ P	mg/l	12	-	-	
II	Các dòng nước thải số 02,03					
1	pH	-	-	5,5-9	5,5-9	6 tháng/ 1 lần
2	COD	mg/l	-	150	150	
3	BOD ₅	mg/l	-	50	-	
4	TSS	mg/l	-	100	120	
5	Tổng P	mg/l	-	6	-	
6	Tổng N	mg/l	-	40	-	
7	Coliform	MPN/	-	5.000	-	

		100ml			
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10	30

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và nước thải phát sinh tại nhà ăn được xử lý tại bể tách mỡ 2 ngăn sẽ theo đường ống dẫn PVC D110 chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 26 m³/ngày đêm để xử lý. Nước sau xử lý theo đường ống dẫn D300 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu từ xưởng sửa chữa, bảo trì được thu gom và xử lý tại bể tách dầu 5 ngăn dung tích 5 m³. Nước sau xử lý theo đường ống dẫn D300 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh tại trạm cấp phát xăng dầu khi xảy ra sự cố được thu gom, xử lý tại ga lọc dầu 2 ngăn dung tích 3 m³. Nước sau xử lý theo đường ống dẫn D300 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh/cấp lại Giấy phép môi trường khi có hệ thống thoát nước thải chung phía ngoài dự án theo Quyết định số 539/QĐ-BQL ngày 06/02/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyển phương tiện thiết bị, hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01: (Nước thải khu vệ sinh → bể tự hoại) + (Nước thải nhà ăn → bể tách mỡ) → hệ thống xử lý nước thải 26 m³/ngày đêm (gồm: bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng) → hệ thống thoát nước chung của khu vực → sông Bạch Đằng.

+ Nguồn số 02: Nước thải nhiễm dầu tại xưởng sửa chữa, bảo trì → rãnh thu → bể tách dầu 5 ngăn dung tích 5m³ → hệ thống thoát nước chung của khu vực → sông Bạch Đằng.

+ Nguồn số 03: Nước thải tại trạm cấp phát xăng dầu khi xảy ra sự cố → ga lọc dầu 2 ngăn dung tích 3 m³ → hệ thống thoát nước chung của khu vực → sông Bạch Đằng.

- Công suất thiết kế:

+ 01 bể tự hoại tổng dung tích 50 m³;

+ 01 bể tách mỡ tại nhà ăn, dung tích 3 m³,

- + Bể tách dầu 5 ngăn dung tích 5 m³
- + Ga lọc dầu 2 ngăn dung tích 3 m³
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 26 m³/ngày đêm gồm: bể điều hoà dung tích 17,37 m³, bể thiếu khí dung tích 9,66 m³, bể hiếu khí dung tích 15,3 m³, bể lắng dung tích 2,44 m³, bể khử trùng dung tích 2,56 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm); gổi thấm dầu.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh/cấp lại Giấy phép môi trường khi có hệ thống thoát nước thải chung phía ngoài dự án theo Quyết định số 539/QĐ-BQL ngày 06/02/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyển phương tiện thiết bị, hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, vận hành thử nghiệm, kiểm tra, đánh giá hiệu quả xử lý trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức; tuân thủ nghiêm các quy định vận hành hệ thống.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- + 01 bể tự hoại tổng dung tích 50 m³;
- + 01 bể tách mỡ tại nhà ăn, dung tích 3 m³,
- + Bể tách dầu 5 ngăn dung tích 5 m³
- + Ga lọc dầu 2 ngăn dung tích 3 m³
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 26 m³/ngày đêm

2.3. Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải tại hồ ga thu trước hệ thống xử lý nước thải tập trung, toạ độ X = 2305688 (m); Y = 604600 (m).

+ Mẫu nước thải tại hồ ga nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, toạ độ X = 2305695 (m); Y = 604598 (m).

+ Mẫu nước thải tại hồ ga thu gom nước thải nhiễm dầu (sau ga lọc dầu 2 ngăn dung tích 3 m³ và bể tách dầu 5 ngăn dung tích 5m³) trước khi đấu nối vào HTTN chung của KV, toạ độ X = 2305699 (m); Y = 604600 (m).

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45' múi chiếu 3°).

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) $C_{max}=C \times k$ k=1,2	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	QCVN 29:2010/BTNMT cột B
I	Nước thải tại hồ ga nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (NT1)				
1	pH	-	5 - 9	-	-
2	BOD ₅	mg/l	60	-	-
3	TSS	mg/l	120	-	-
4	Coliform	MPN/ 100ml	5.000	-	-
5	TDS	mg/l	1.200	-	-
6	Sunfua	mg/l	4,8	-	-
7	Amoni	mg/l	12	-	-
8	NO ₃ ⁻ N	mg/l	60	-	-
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	-	-
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	-	-
11	PO ₄ ³⁻ P	mg/l	12	-	-
II	Nước thải tại hồ ga thu gom nước thải nhiễm dầu (sau ga lọc dầu 2 ngăn và bể tách dầu 5 ngăn) trước khi đấu nối vào HTTN chung của KV (NT2)				
1	pH	-	-	5,5-9	5,5-9
2	COD	mg/l	-	150	150
3	BOD ₅	mg/l	-	50	-
4	TSS	mg/l	-	100	120
5	Tổng P	mg/l	-	6	-
6	Tổng N	mg/l	-	40	-
7	Coliform	MPN/ 100ml	-	5.000	-

8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	-	10	30
---	--------------------	------	---	----	----

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 29:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thoát nước chung của khu vực theo quy định.

3.7. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh/cấp lại Giấy phép môi trường khi có hệ thống thoát nước thải chung phía ngoài dự án theo Quyết định số 539/QĐ-BQL ngày 06/02/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất xây dựng bãi đỗ xe, trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng và trung chuyển phương tiện thiết bị, hàng hoá xuất nhập khẩu tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện, thiết bị chuyên tải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Xe chở hàng hóa ra vào công ty đúng trọng tải quy định.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho người lao động làm việc như: khẩu trang, quần áo, tập huấn nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động.

- Lắp đặt các van đạt tiêu chuẩn để tránh rò rỉ xăng dầu tại vị trí xuất nhập nhập xăng dầu; thường xuyên bảo dưỡng hệ thống van, thay thế định kỳ các van, đường ống xuống cấp hoặc khi thấy có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho quá trình hoạt động.

- Các thiết bị bơm xăng, dầu sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu.

- Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thở có bình ngăn tia lửa và có thông số kỹ thuật phù hợp với dung tích bể, với công suất máy bơm để hạn chế tối đa lượng hóa chất bốc hơi vào không khí.

- Thực hiện, diễn tập đầy đủ các Kế hoạch ứng phó sự cố theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Lắp đặt đầy đủ thông gió tại xưởng sửa chữa. Thường xuyên kiểm tra các van an toàn tại bể chứa xăng, dầu đảm bảo an toàn hoạt động.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, đề thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Tại khu vực kho bãi hàng hóa.
- + Nguồn số 2: Tại máy nén khí của khu vực xưởng sửa chữa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X= 2305773 (m); Y= 604533 (m)
 - + Nguồn số 02: Tọa độ: X= 2305779 (m); Y= 604539 (m)
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° 45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	15	16 01 06	NH
2	Ắc quy chì thải	Rắn	436	19 06 01	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	500	17 02 03	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	630	18 02 01	KS
5	Que hàn thải	Rắn	25	07 04 01	KS
6	Bộ lọc dầu thải	Rắn	560	15 01 02	NH
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	Rắn	250	18 01 03	KS
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại	Rắn	45	18 01 02	KS
9	Các thiết bị linh kiện nguy hại khác (linh kiện thay thế loại bỏ có dính dầu)	Rắn	660	15 01 09	NH
Tổng			3.121		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: hộp bìa carton, gỗ, xốp, cấu kiện hỏng,...khoảng 1.300 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 3.354 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa (dung tích 200 lít/thùng) có nắp đậy tương ứng với các mã CTNH phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản

5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có rãnh và hố thu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường có mái che, nền bê tông hóa chống thấm, có biển cảnh báo bên ngoài. Kho đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa 50 lít - 100lít/thùng có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực nhà ăn, khu vực văn phòng.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải: bao bì/thùng chứa màu xanh lá cây (chứa rác thải thực phẩm), bao bì/thùng chứa màu trắng (chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế), bao bì/thùng chứa màu vàng (chứa rác thải sinh hoạt khác). Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.